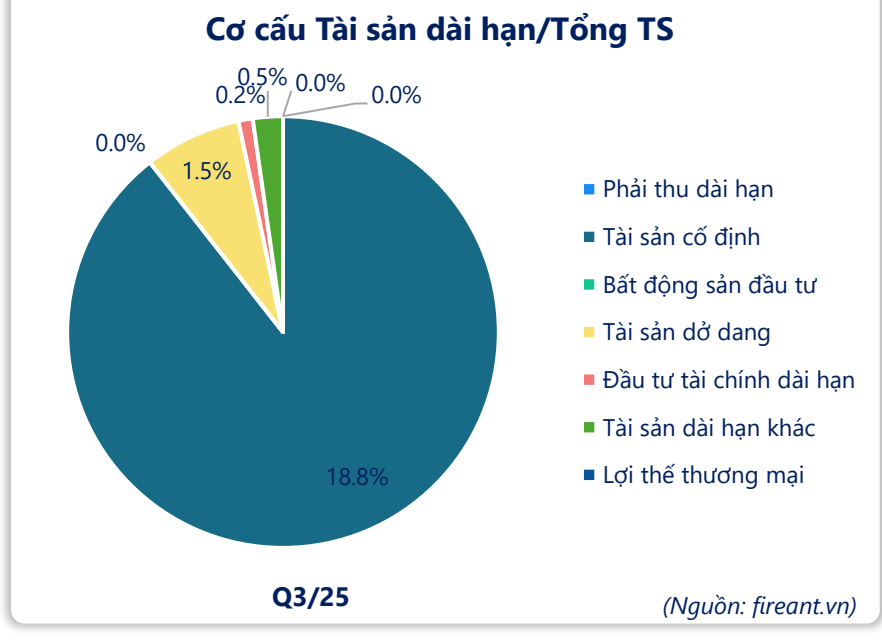
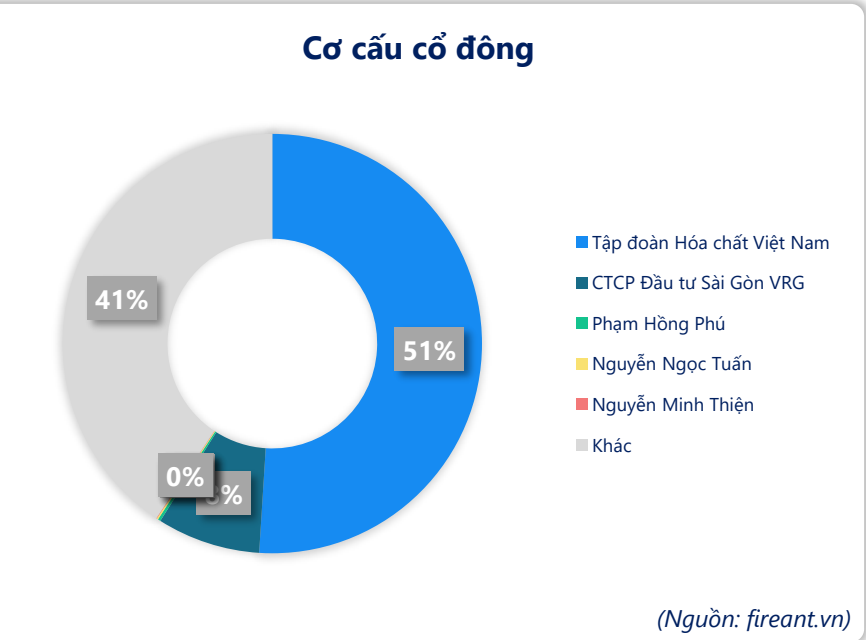
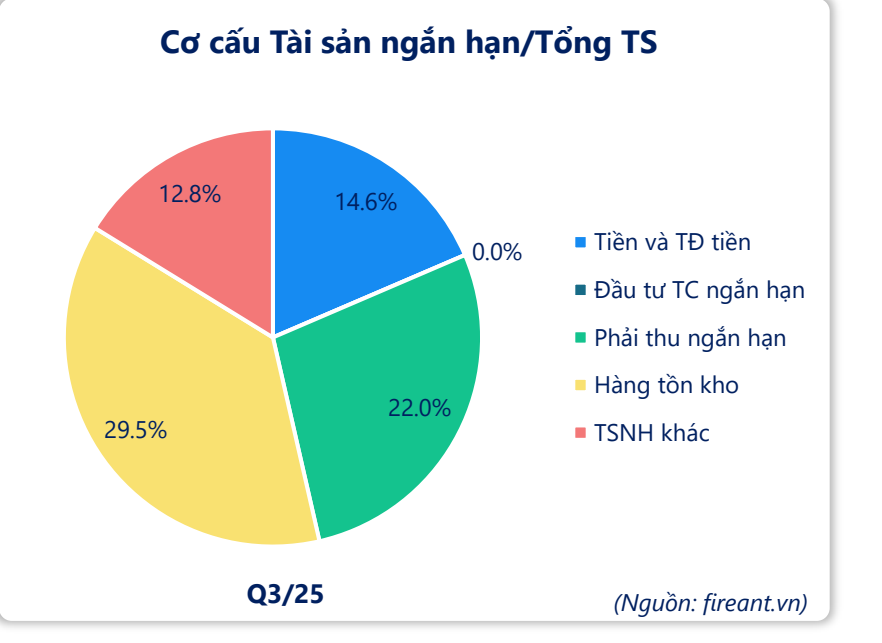
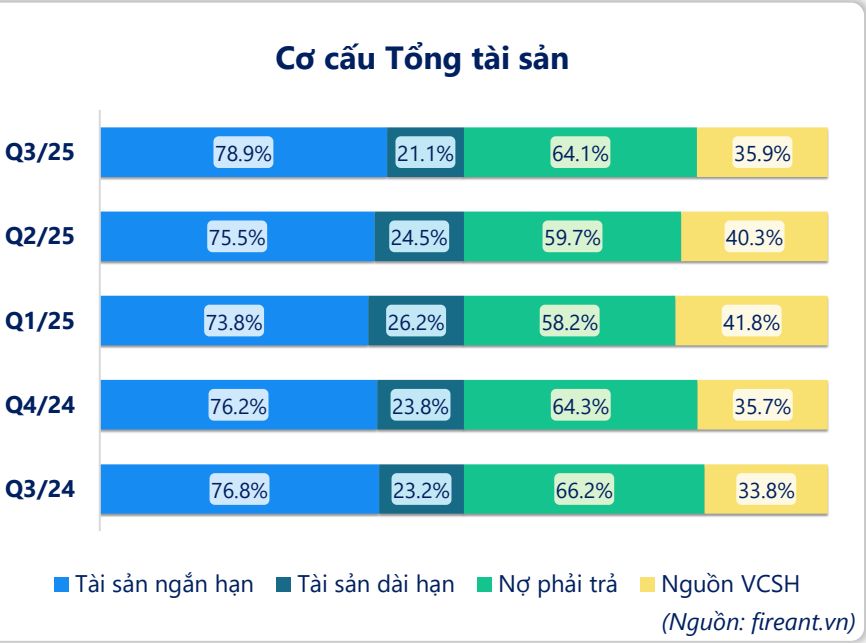
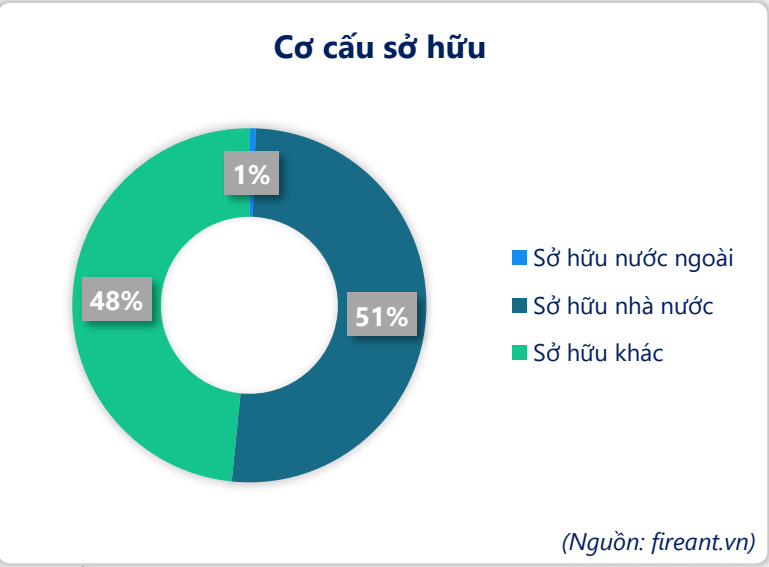
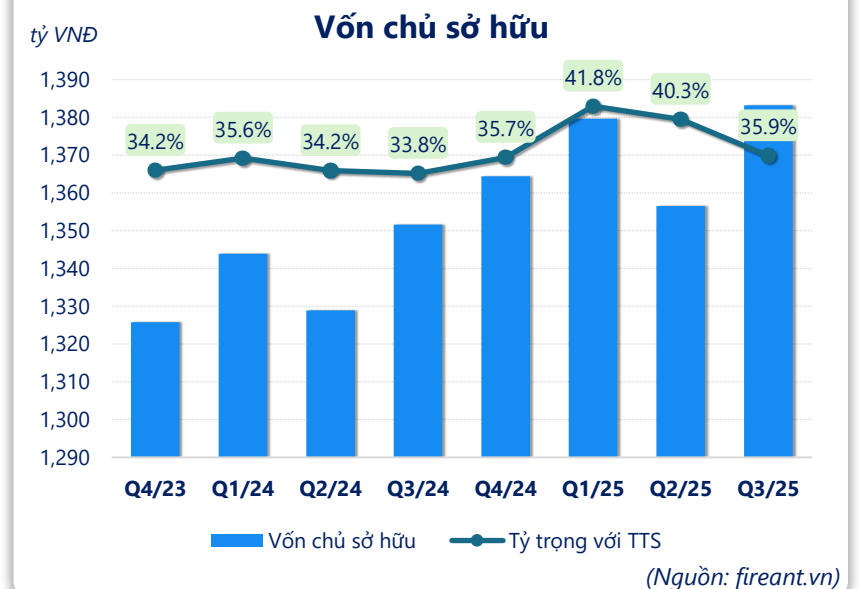
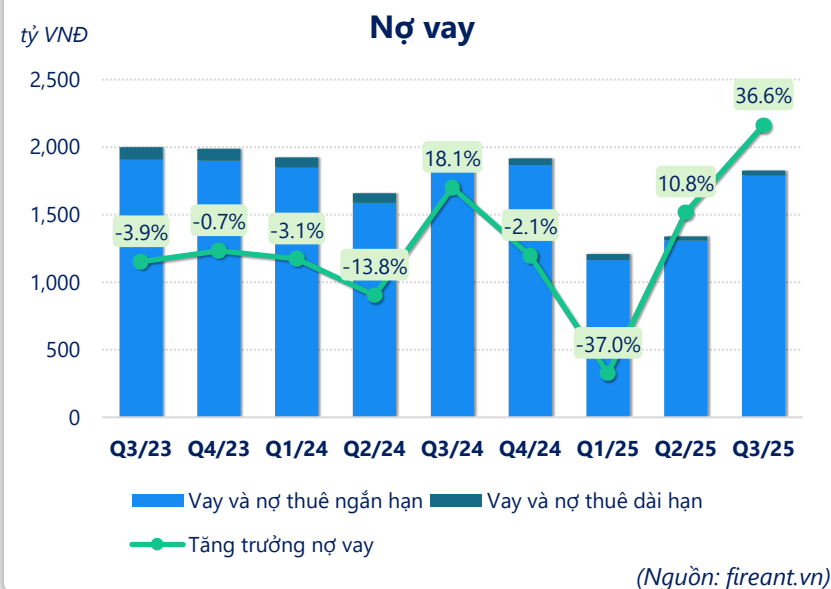
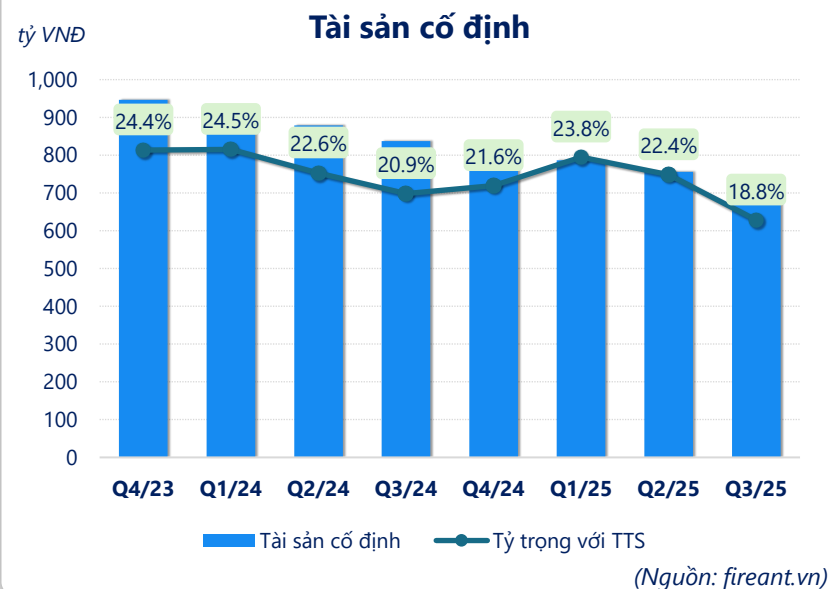
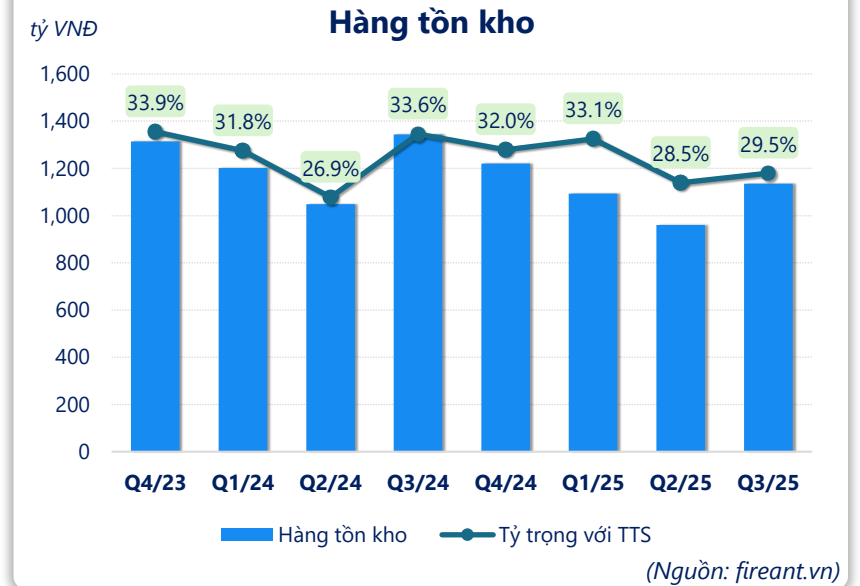
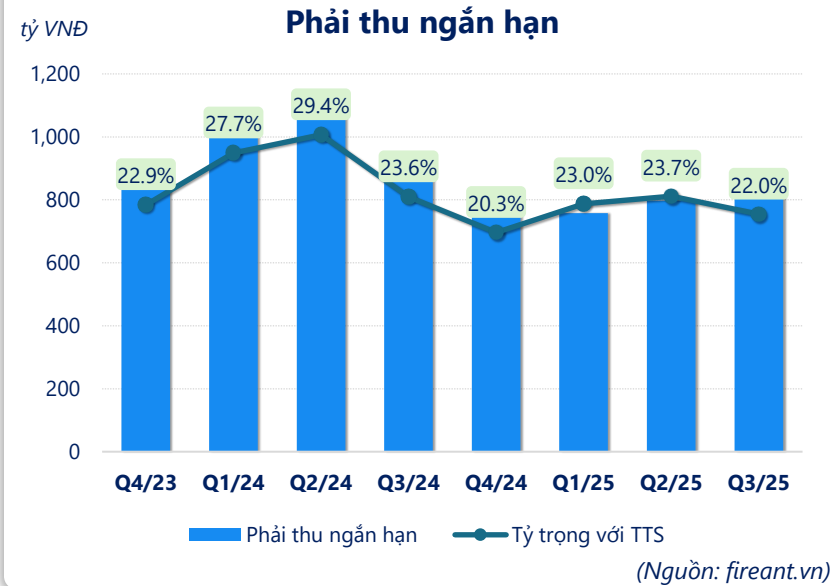
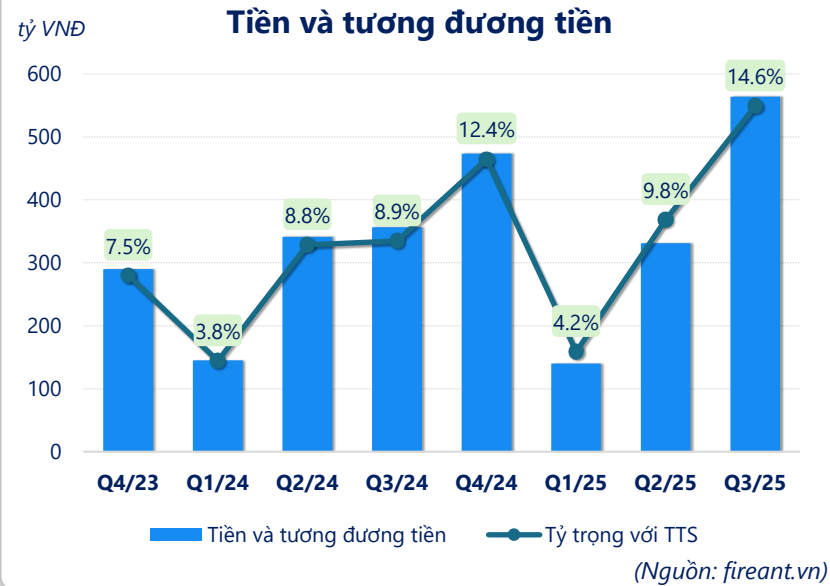
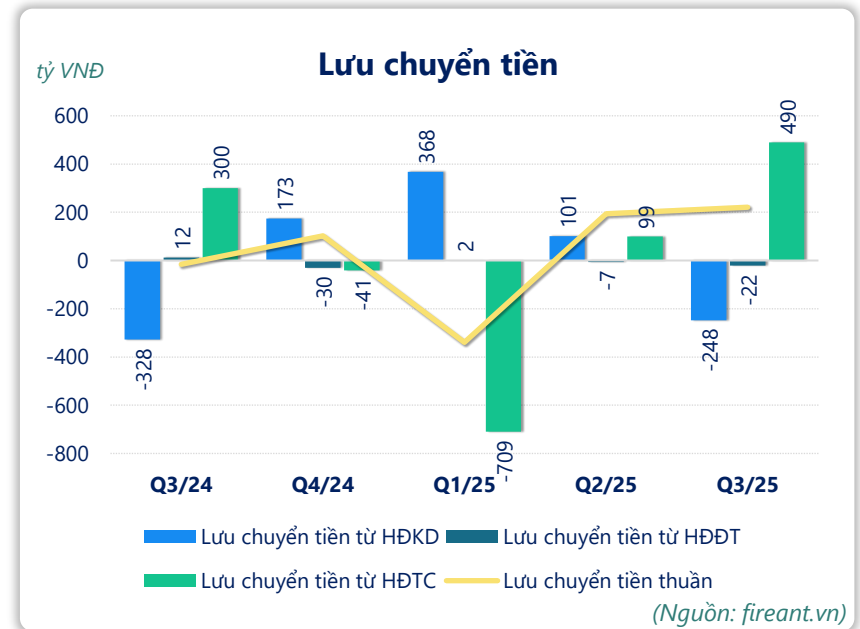
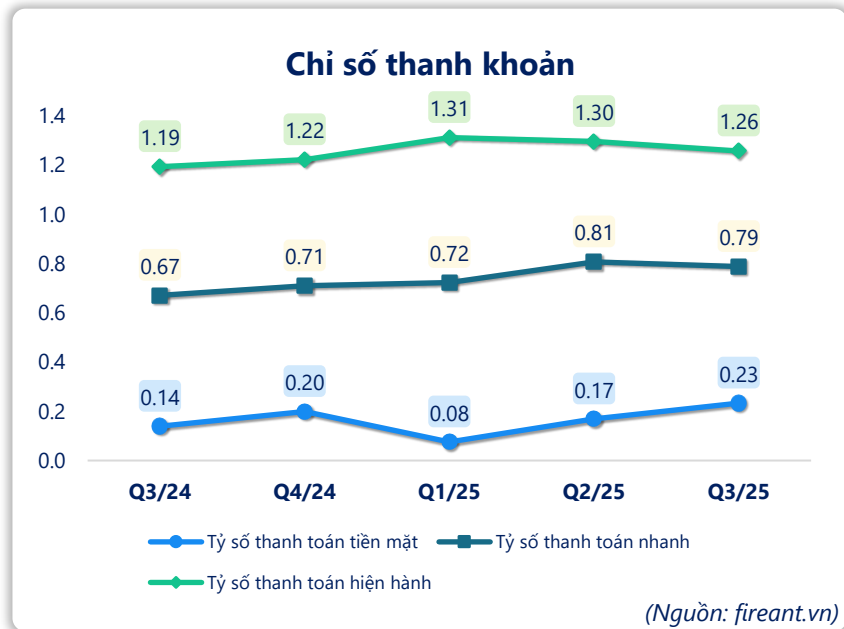
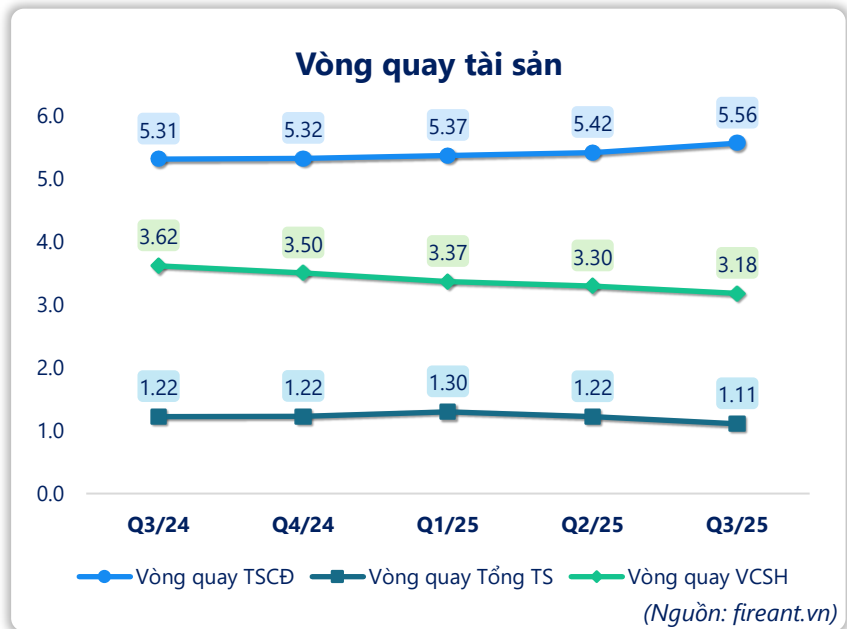
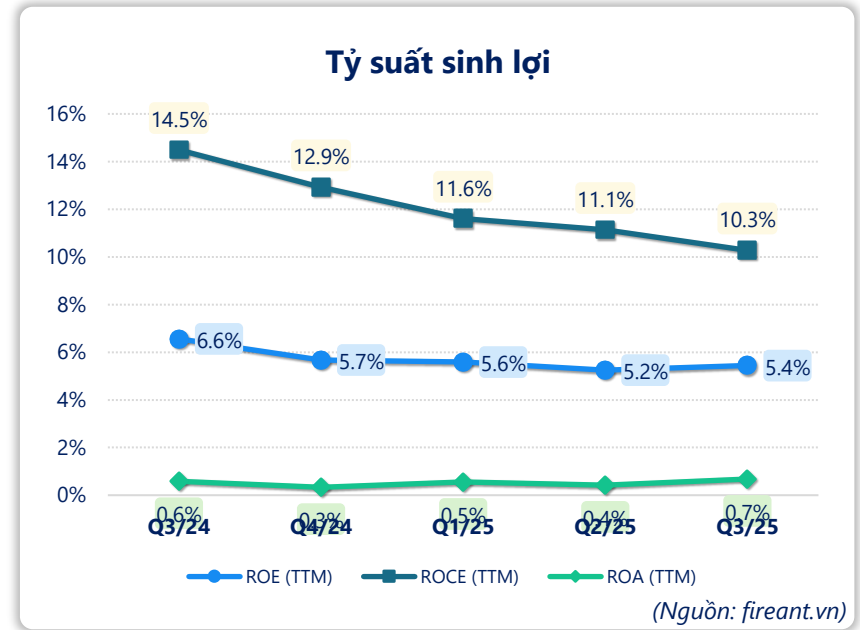
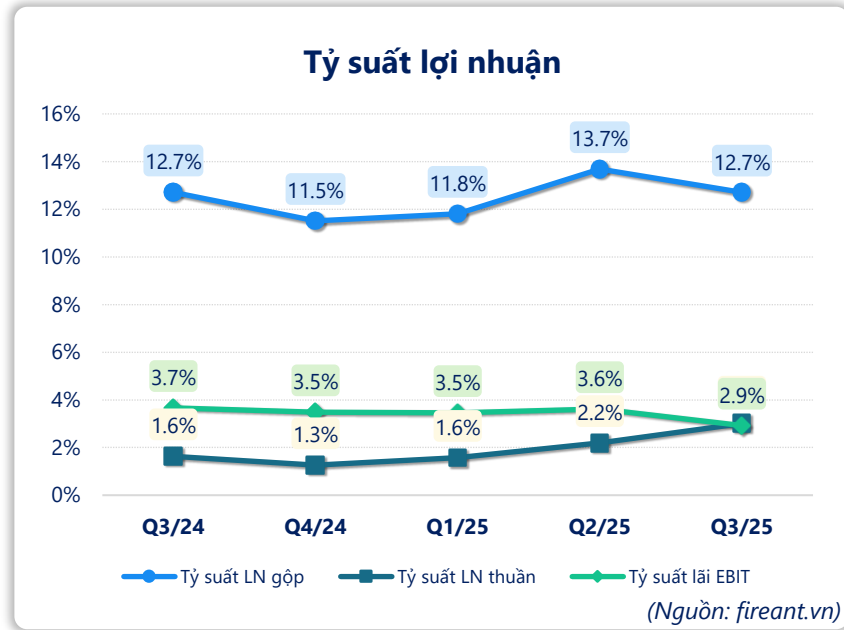
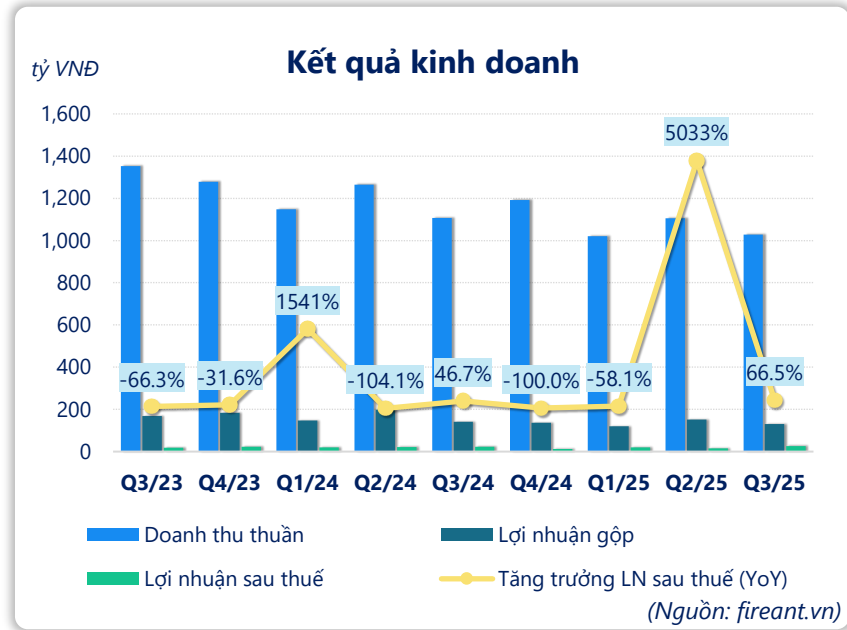


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		14,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		17,150
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		9,786
SL cổ phiếu LH		103,625,262
KLGD BQ 20 phiên (CP)		1,540,400
% sở hữu nước ngoài		0.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,503
P/E		20.2
EPS		718

	YTD	1T	3T	6T
CSM	-6.5%	-7.6%	10.7%	9.3%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	3,850	3,815	0.9%
Tài sản ngắn hạn	3,039	2,908	4.5%
Tiền và tương đương tiền	564	473	19.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	847	776	9.2%
Hàng tồn kho	1,135	1,220	-7.0%
Tài sản ngắn hạn khác	493	438	12.5%
Tài sản dài hạn	812	907	-10.6%
Phải thu dài hạn	0.04	0.99	-96.3%
Tài sản cố định	726	824	-11.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	59.0	42.3	39.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	8.69	6.99	24.3%
Tài sản dài hạn khác	18.2	33.3	-45.3%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	2,467	2,455	0.5%
Nợ ngắn hạn	2,418	2,385	1.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,789	1,868	-4.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	277	265	4.7%
Nợ dài hạn	49.8	70.4	-29.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	37.8	48.7	-22.3%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,383	1,360	1.7%
Vốn chủ sở hữu	1,383	1,360	1.7%
Vốn điều lệ	1,036	1,036	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	1,107	1,192	1,021	1,106	1,028
Giá vốn hàng bán	967	1,055	901	955	897
Lợi nhuận gộp	141	137	121	151	131
Doanh thu HĐTC	8.31	32.8	9.95	15.2	11.2
Chi phí TC	40.7	29.9	20.5	16.0	22.3
Chi phí lãi vay	19.0	24.0	17.8	13.5	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	23.5	50.8	37.0	73.8	28.1
Chi phí QLDN	66.7	74.3	57.0	52.5	60.5
LN thuần từ HĐKD	18.1	15.1	16.0	24.2	30.9
Lợi nhuận khác	3.41	2.51	1.43	2.19	-0.87
LN trước thuế	21.5	17.6	17.5	26.4	30.0
Lợi nhuận sau thuế	22.7	12.8	19.4	15.5	26.6
LNST của CĐ cty mẹ	22.7	12.8	19.4	15.5	26.6

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-328	173	368	101	-248
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	11.9	-29.9	1.90	-6.72	-21.7
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	300	-41.5	-709	99.2	490
Tiền đầu kỳ	341	357	473	140	331
Lưu chuyển tiền thuần	-16.0	102	-339	193	221
Ảnh hưởng tỷ giá	31.6	14.7	5.69	-1.87	11.6
Tiền cuối kỳ	357	473	140	331	564

(Nguồn: fireant.vn)